

Bản án số: 160/2026/HS-ST
Ngày 21-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Dung

Bà Đặng Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 126/2026/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2026/HSST-QĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian xét xử 77/TB-TA ngày 07 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Phạm Xuân C, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã N, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 030095000280; nghề nghiệp: Bảo vệ - Công ty TNHH S; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân Q và bà Phạm Thị T; có vợ là Phạm Thị Thu H và 02 con; nhân thân: Ngày 04/4/2016 bị Ủy ban nhân dân huyện T xử phạt hành vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa); tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 4 năm 2026; có mặt.

2. Vũ Thu T1, sinh ngày 27 tháng 11 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn H, xã A, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 031191003201; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn M và bà Bùi Thị C1; có chồng

là Lê Thanh M1 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 4 năm 2026; có mặt.

3. Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 10 tháng 07 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B (nay là thôn B), xã A, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số: 031183003956; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; có chồng là Đinh Hoàng H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09 tháng 4 năm 2026; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty TNHH S, địa chỉ trụ sở chính: Số A đường N, phường Đ, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc phụ trách Nhà máy S1 trực thuộc Công ty TNHH S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân C là bảo vệ của Công ty TNHH S có quen biết với Vũ Thu T1 là công nhân thuộc bộ phận bán thành phẩm của Công ty TNHH S. C đã bàn bạc với T1 tìm nguồn hàng là giày của Công ty để tuồn ra ngoài, T1 quen biết với Nguyễn Thị Mỹ D là công nhân thuộc bộ phận thành phẩm của Công ty S. T1 biết D sẽ có điều kiện trộm cắp giày thành phẩm nên đã bàn kế hoạch với D, T1 nói với D có người quen làm ở bộ phận bảo vệ nên việc mang giày ra ngoài sẽ dễ dàng, khi nào người quen của T1 làm ca nào thì T1 sẽ báo cho D để chuẩn bị giày đưa cho T1 mang ra công, D đã đồng ý theo kế hoạch của T1.

Bằng thủ đoạn trên, những người này đã 04 lần trộm cắp giày của Công ty, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất**: Trưa ngày 12/3/2026, D xuống kho trộm cắp 03 đôi giày gồm: 01 đôi nhãn hiệu COLLEHAAN màu trắng, đế cao su màu xanh nước biển; 01 đôi COLLEHAAN màu trắng, đế trắng; 01 đôi AMIRI màu trắng đen, đế cao su màu trắng đen, cho vào túi mang ra đưa cho T1, sau đó T1 mang giày đi qua cổng bảo vệ chỗ C về nhà cất giấu, sau đó đưa cho C.

- **Lần thứ hai**: Trưa ngày 13/3/2026, D xuống kho trộm cắp 01 chiếc giày nhãn hiệu AMIRI cổ thấp họa tiết màu trắng đen, đế cao su màu trắng; 01 chiếc giày nhãn hiệu AMIRI cổ cao họa tiết màu trắng đen, đế cao su màu trắng và 02 đôi giày nhãn hiệu AMIRI cổ thấp họa tiết màu trắng đen, đế cao su màu trắng, cho vào túi mang ra đưa cho T1 đi qua cổng bảo vệ chỗ C về nhà cất giấu.

- **Lần thứ ba:** Trưa ngày 14/3/2026, D xuống kho trộm cắp 03 đôi giày nhãn hiệu Chloé màu kem nâu, đế cao su màu trắng cho vào túi mang ra đưa cho T1 đi qua cổng bảo vệ chỗ C về nhà cất giấu, sau đó đưa lại cho D.

- **Lần thứ tư:** Trưa ngày 16/3/2026, D xuống kho trộm cắp 03 đôi giày gồm: 01 đôi nhãn hiệu AMIRI cao cổ màu kem, đen, đế cao su, thêu chỉ trắng chữ M lồng chữ A; 01 đôi nhãn hiệu JIMMY CHOO màu bạc, đế màu trắng; 01 đôi nhãn hiệu Chloé màu nâu, đế màu trắng nâu, cho vào túi cất giấu. Khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, D mang ra cửa kho tổng hợp đưa cho Thảo cầm ra đến cửa kho để thì bị bảo vệ của Công ty kiểm tra, phát hiện. Công ty trình báo Công an xã A đến lập biên bản vụ việc, tạm giữ 03 đôi giày trên. Cùng ngày, C, T1, D đã tự nguyện khắc phục hậu quả, giao nộp cho Cơ quan điều tra toàn bộ giày đã trộm cắp của Công ty.

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 20/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân xã A, kết luận: Tổng giá trị giày bị trộm cắp là 24.932.772,5 đồng, trong đó giá trị giày bị trộm cắp ngày 12/3/2026 là 3.885.399,9 đồng, ngày 13/3/2026 là 6.703.657,1 đồng, ngày 14/3/2026 là 7.544.972,4 đồng, ngày 16/3/2026 là 6.798.743,1 đồng.

Cáo trạng số 79/CT-VKSKV2 ngày 22/6/2026, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Phạm Xuân C, Vũ Thu T1 và Nguyễn Thị Mỹ D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân C mức án từ 21 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 42-48 tháng; bị cáo Vũ Thu T1 mức án từ 18 tháng đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 36-42 tháng; bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30-36 tháng. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH S đã được nhận lại số giày bị chiếm đoạt; không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Vật chứng: Toàn bộ số giày bị trộm cắp các bị cáo đã nộp lại trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty TNHH S. Đối với 03 điện thoại thu giữ của các bị cáo, quá trình điều tra xác minh không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện:

Từ ngày 12 đến ngày 16/3/2026, tại Công ty TNHH S ở thôn V, xã A, thành phố Hải Phòng, Phạm Xuân C, Vũ Thu T1 và Nguyễn Thị Mỹ D đã cùng nhau 04 lần lén lút chiếm đoạt 11 đôi giày và 02 chiếc giày của Công ty có tổng giá trị 24.932.772,5 đồng.

Hành vi của các bị cáo Phạm Xuân C, Vũ Thu T1 và Nguyễn Thị Mỹ D đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng đối với các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty được pháp luật bảo vệ. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần phạm tội đều cấu thành tội phạm độc lập nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*Phạm tội 02 lần trở lên*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội các bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại tài sản trộm cắp cho bị hại* nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nên các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về vai trò và hình phạt*: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn nên căn cứ Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự để đánh giá vai trò của từng bị cáo từ đó quyết định hình phạt tương xứng.

Bị cáo Phạm Xuân C là người khởi xướng, đề xuất T1 trộm cắp giày của Công ty nên có vai trò cao nhất. T1 là người rủ rê lôi kéo D và tích cực thực hiện hành vi phạm tội (là người trực tiếp mang số giày ra ngoài Công ty); Nguyễn Thị Mỹ D là công nhân thuộc bộ phận thành phẩm của Công ty S, đã lợi dụng sơ hở trong quá trình quản lý của Công ty lấy giày đưa cho Thảo cầm ra ngoài. Do vậy, vai trò của T1 thấp hơn C nhưng cao hơn D; bị cáo D có vai trò thấp nhất trong vụ án.

Xét, nhân thân bị cáo Phạm Xuân C 01 lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa); các bị cáo Vũ Thu T1 và Nguyễn Thị Mỹ D nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Lần phạm tội này các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, các lần phạm tội của các bị cáo đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do vậy, nhận thấy với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, có căn cứ cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ sức giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025.

[7] *Về hình phạt bổ sung*: Do các bị cáo có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Xuân C, Vũ Thu T1 và Nguyễn Thị Mỹ D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân C 21 (hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 42 (bốn mươi hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Xuân C số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Phạm Xuân C cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thu T1 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Vũ Thu T1 số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Vũ Thu T1 cho Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Mỹ D cho Ủy ban nhân dân xã A, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2025 như sau:

*“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp quy định tại **Điều 88 của Luật này** hoặc trường hợp người được hưởng án treo bị bệnh phải điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo chỉ định của bác sĩ và có xác nhận điều trị của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó.*

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan tại nơi cư trú, người được hưởng án treo phải có đơn xin phép ngay sau khi không còn lý do vắng mặt.

Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú.

Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Công an cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Công an cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại **Điều 66 của Luật này**.

4. Người được hưởng án treo bị tạm hoãn xuất cảnh trong thời gian thử thách”

- *Về biện pháp ngăn chặn:* Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Phạm Xuân C, Vũ Thu T1 và Nguyễn Thị Mỹ D.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Xuân C, Vũ Thu T1 và Nguyễn Thị Mỹ D mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

- *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền yêu cầu thi hành án:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 2 - Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo; bị hại;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng PV06, PC10 CATP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Tuấn Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN T

Phạm Văn Dung Phạm Thị Minh

Phạm Tuấn Anh

